

Số: 1949/KH-UBND

Gia Lai, ngày 26 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2030

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản (sau đây gọi tắt là giống cây trồng, vật nuôi) theo hướng hiện đại nhằm cung cấp sản xuất giống có năng suất, chất lượng thích ứng với biến đổi khí hậu và điều kiện sinh thái của địa phương, góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2023 - 2030 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen các giống cây trồng đặc hữu, có giá trị kinh tế cao như: Các giống lúa cạn bản địa, cây hồ tiêu, cây ăn quả bản địa, cây lâm nghiệp, cây dược liệu bản địa, dược liệu quý; các loài động vật bản địa.

2.2. Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng, bình tuyển, đưa vào sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với sâu, bệnh hại và dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đúng tiêu chuẩn, tạo ra đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm; đảm bảo cung ứng đủ giống cho nhu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh, đó là tập trung vào các giống chủ lực, đặc sản, chất lượng cao và tiến tới mở rộng thị trường trong nước.

- Lĩnh vực trồng trọt: Đến năm 2025, tỷ lệ sử dụng giống xác nhận (hoặc tương đương), giống mới, giống chất lượng cao trong sản xuất đối với cây lúa đạt trên 90%, cây cà phê đạt 80%, cây ăn quả đạt 70%, cây mía đạt 95%; giống ngô, chè, cao su, điều, tiêu, sắn, rau, nấm đạt 90%. Đến năm 2030, nâng cao tỷ lệ sử dụng giống xác nhận (hoặc tương đương), giống mới, giống chất lượng cao trong sản xuất đối với cây lúa đạt 95%, cây cà phê đạt trên 90%, cây ăn quả đạt 85%, cây mía đạt 100%, ngô, chè, cao su, điều, tiêu, sắn, rau, nấm đạt 100%.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Tăng tỷ lệ sử dụng giống mới, giống chất lượng cao cho sản xuất chăn nuôi của tỉnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên từng địa phương, nhằm tạo ra đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành. Đến năm 2025, tỷ lệ sản xuất con giống trong chăn nuôi đối với giống bò đáp ứng khoảng 80%, giống heo khoảng 115%, giống gia cầm khoảng 30%, giống dê khoảng 35% nhu cầu sử dụng con giống của người chăn nuôi. Đến năm 2030, tỷ lệ sản xuất con giống trong chăn nuôi đối với giống bò đáp ứng khoảng 100%, giống heo khoảng 161%, giống gia cầm khoảng 85%, giống dê khoảng 80% nhu cầu sử dụng con giống của người chăn nuôi.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Đến năm 2025, tỉnh Gia Lai cung cấp khoảng 80% giống từ nguồn giống được công nhận, có chứng chỉ giống theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; trong đó, trên 50% giống từ nhân giống sinh dưỡng phục vụ việc trồng rừng; năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 15 m³/ha/năm. Đến năm 2030, phần đầu ít nhất 90% diện tích rừng được trồng từ giống cây lâm nghiệp đã được công nhận; năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 20 m³/ha/năm.

- Lĩnh vực thủy sản: Đến năm 2025, con giống sản xuất trong tỉnh đạt 5,3 triệu con, chiếm 46% nhu cầu giống thả; con giống nhập ngoại tỉnh là 6,3 triệu con, chiếm 54% nhu cầu giống thả. Duy trì lưu giữ 1,5 tấn cá bố mẹ phục vụ sản xuất giống nhân tạo. Đến năm 2030, đảm bảo 100% con giống cung ứng chất lượng và sạch bệnh tại chỗ; con giống sản xuất trong tỉnh đạt 9,5 triệu con, chiếm 56% nhu cầu giống thả; con giống nhập ngoại tỉnh là 7,5 triệu con, chiếm 44% nhu cầu giống thả. Chọn lọc, lưu giữ 2 tấn cá bố mẹ phục vụ sản xuất giống nhân tạo.

2.4. Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI, QUY MÔ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Ưu tiên triển khai thực hiện trên những đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực quốc gia theo văn bản quy định của cấp có thẩm quyền và đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Gia Lai và Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Đối với cây trồng, vật nuôi khác, căn cứ yêu cầu thực tiễn và khả năng của ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung theo từng giai đoạn cụ thể.

2. Quy mô

Triển khai thực hiện bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, nghiên cứu chọn tạo giống, phát triển sản xuất giống, hoàn thiện hệ thống nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Thời gian thực hiện

Từ năm 2023 đến hết năm 2030, chia theo 02 kỳ kế hoạch 2023 - 2025 và 2026 - 2030.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển khoa học công nghệ về giống

1.1. Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen

- Nhiệm vụ: Thu thập, bảo tồn, lưu trữ, đánh giá, tư liệu hóa, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn gen cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh. Đánh giá, tư liệu hóa, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn gen giống cây trồng đặc hữu, có giá trị kinh tế cao như: Các giống lúa cận bản địa, cây hồ tiêu, cây ăn quả bản địa, cây lâm nghiệp, cây dược liệu bản địa, dược liệu quý, các loài động vật bản địa.

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

1.2. Nuôi giữ giống gốc

- Nhiệm vụ: Tăng cường năng lực quản lý, chọn lọc và nuôi giữ đàn giống gốc vật nuôi; ưu tiên các giống vật nuôi chủ lực, giống bản địa; nâng cao năng suất, chất lượng đàn giống gốc; nhập nội các giống có tiềm năng di truyền cao, tiên tiến, phù hợp với điều kiện của tỉnh Gia Lai, cụ thể: Nhập nội các giống lợn Landrace, Yorkshire, Duroc, Pietrian có nguồn gốc từ Mỹ, Đan Mạch; nhập nội giống bò Brahman, tinh đông lạnh giống bò Brahman, tinh dịch các giống Brahman, BBB, Droughtmaster.

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

1.3. Nghiên cứu chọn tạo giống

- Nhiệm vụ: Đánh giá, lựa chọn, xây dựng cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với dịch hại và thích ứng với biến đổi khí hậu; chọn lọc, phục tráng giống gốc, giống siêu nguyên chủng lúa, giống cây ăn quả chủ lực, giống cây công nghiệp năng suất, chất lượng cao chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất lợi của thời tiết; nghiên cứu bảo tồn, phát triển một số giống vật nuôi, giống cây trồng bản địa nhằm tạo ra các nông sản đặc sản địa phương; chọn tạo giống cây lâm nghiệp bản địa, nhập nội giống cây lâm nghiệp sinh khối lớn, chu kỳ ngắn cho phát triển rừng trồng gỗ lớn làm nguyên liệu chế biến gỗ xuất khẩu.

Nghiên cứu làm chủ và phát triển công nghệ chọn tạo giống bố mẹ và kỹ thuật sản xuất giống sạch bệnh đối với một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá Trắm đen, cá Chột, cá Sọc dưa...

- Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Phát triển sản xuất giống

- Nhiệm vụ: Nhập nội, mua bản quyền giống mới; bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội, sản xuất giống lúa siêu nguyên chủng, giống cây lâm nghiệp năng suất, chất lượng cao; phát triển sản xuất giống các cấp, các giống vật nuôi chủ lực và đặc sản; sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng nuôi cấy mô; xây dựng và chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống; đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống; nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng giống.

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế theo cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án đầu tư công; vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

3. Hoàn thiện hệ thống nghiên cứu, sản xuất giống

- Nhiệm vụ: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị, tăng cường năng lực của các Trung tâm: Nghiên cứu Giống cây trồng, Giống vật nuôi và Giống Thủy sản, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các đơn vị liên quan của tỉnh để nghiên cứu, sản xuất giống theo hướng hiện đại. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng các vườn ươm cây giống, các vùng sản xuất giống tập trung tại các địa phương. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường cho các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển theo cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án đầu tư công; vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch, cụ thể:

- Vốn sự nghiệp: 89,25 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2023 - 2025: 30,78 tỷ đồng (ngân sách tỉnh: 19,3 tỷ đồng; ngân sách huyện: 11,48 tỷ đồng);

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 58,47 tỷ đồng (ngân sách tỉnh: 48,25 tỷ đồng; ngân sách huyện: 10,22 tỷ đồng).

- Vốn đầu tư phát triển:

+ Giai đoạn 2023 - 2025: 30,0 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân: 84,0 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2023 - 2025: 27,571 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 56,429 tỷ đồng.

- Vốn xã hội hóa: 576 tỷ đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế, chính sách

Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách thuộc Chương trình phát

triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt nội dung và quy định mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Công tác quản lý Nhà nước về giống

Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao năng lực quản lý, kiểm định giống cây trồng, vật nuôi về điều kiện sản xuất, kinh doanh, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi theo quy định của Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2018. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về chất lượng giống cây trồng, vật nuôi. Công khai danh sách các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cung ứng giống đúng quy định và không đúng quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng; Công thông tin điện tử của tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nâng cao năng lực của cơ quan quản lý Nhà nước về giống cây trồng, giống vật nuôi trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý; đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ; thiết lập cơ sở dữ liệu số về giống cho cơ quan quản lý Nhà nước đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Nâng cao chất lượng nguồn lực nghiên cứu, sản xuất giống

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiên cứu, sản xuất giống cho lực lượng cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi, Trung tâm Giống Thủy sản, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các đơn vị liên quan của tỉnh. Tăng cường công tác khuyến nông về giống, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các viện nghiên cứu, các trường, doanh nghiệp để đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ cho các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu, sản xuất, kiểm định giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo cho mục tiêu cơ cấu lại ngành

nông nghiệp của tỉnh hiệu quả, bền vững.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

4. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Nhập nội một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chất lượng cao, giống mới (hạt giống, cây giống, hạt sinh học, phôi, tinh); đồng thời, tiếp thu nhanh những thành tựu khoa học và công nghệ về giống trong và ngoài nước đi đôi với bảo tồn đa dạng sinh học, phục tráng các giống đặc sản, giống bản địa quý hiếm tại địa phương phục vụ công tác nghiên cứu và lai tạo giống mới.

Tăng cường xúc tiến thương mại, tạo thương hiệu cho sản phẩm nhằm mở rộng thị trường giống cây trồng, vật nuôi ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Giải pháp về nguồn vốn

Tăng cường, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế cho phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp hiện hành; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án; vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất giống theo Quyết định số 703/QĐ-TTg.

Tập trung kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, phê duyệt các dự án phát triển sản xuất giống sử dụng nguồn ngân sách cấp tỉnh theo Phụ lục I và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án khác thuộc Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 theo Quyết định số 703/QĐ-TTg.

- Chủ trì triển khai cơ chế, chính sách thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 và các cơ chế, chính sách có liên quan về phát triển giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn đầu tư phát triển trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân

tinh cân đối nguồn lực thực hiện đảm bảo mục tiêu, nội dung Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị liên quan gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác liên kết đề xuất, tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo tồn, lưu giữ nguồn gen, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Công Thương

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tăng cường công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, tìm kiếm thị trường, đối tác tiêu thụ các sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên thông tin, tuyên truyền, phổ biến các loại giống chất lượng cao, các đơn vị uy tín trên thị trường trong nước và ngoài nước; thông tin, tuyên truyền, phổ biến những nguy cơ, tác hại của việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản không đảm bảo chất lượng; khuyến khích người dân lựa chọn các sản phẩm giống chất lượng cao để đưa vào sản xuất.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Gia Lai

Chỉ đạo các đơn vị tín dụng trên địa bàn tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi và hướng dẫn việc cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn để các đơn vị nhân giống trên địa bàn tỉnh dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn vay và chính sách ưu đãi lãi suất vốn vay để đầu tư, phát triển sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản chất lượng cao góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo triển khai Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế tại địa

phương; tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030.

- Chủ động cân đối ngân sách địa phương, vốn lồng ghép các chương trình, dự án, thu hút doanh nghiệp đầu tư cho phát triển nghiên cứu, sản xuất giống trên địa bàn.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 05/12.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: H a.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp



Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2023 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 1949/KH-UBND ngày 26 / 07 /2023 của UBND tỉnh)

I. DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

TT	Danh mục dự án	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Trong đó		Giai đoạn 2023 - 2025		Giai đoạn 2026 - 2030		Cơ quan thực hiện
			Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	
1	Khảo sát, bình tuyển cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, chọn lọc cây trội vườn giống	1.050	1.050		300		750		Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Khảo nghiệm mô hình giống chống chịu bệnh khảm lá sắn, nhân giống sắn kháng bệnh khảm do virus và xây dựng mô hình trình diễn	7.000	3.500	3.500	1.000	1.000	2.500	2.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Xây dựng mô hình thâm canh các giống cây trồng chủ lực của tỉnh gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại tỉnh Gia Lai	3.500	3.500		1.000		2.500		Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Xây dựng mô hình khảo nghiệm, sản xuất giống lúa mới năng suất, chất lượng cao	4.000	2.000	2.000	571	571	1.429	1.429	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Danh mục dự án	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Trong đó		Giai đoạn 2023 - 2025		Giai đoạn 2026 - 2030		Cơ quan thực hiện
			Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	Ngân sách Nhà nước	Vốn đối ứng	
5	Mô hình khảo nghiệm, sản xuất các giống cây trồng chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu	14.000	7.000	7.000	2.000	2.000	5.000	5.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Khảo nghiệm, phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh	4.200	2.100	2.100	600	600	1.500	1.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Phát triển sản xuất các giống lợn, bò	70.000	7.000	63.000	2.000	18.000	5.000	45.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Phát triển sản xuất các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao	2.800	1.400	1.400	400	400	1.000	1.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Triển khai các mô hình, dự án sản xuất các loại cây trồng nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản từ nguồn chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ cấp huyện	40.000	40.000		11.429		28.571		Sở Nông nghiệp và PTNT
	Tổng cộng	146.550	67.550	79.000	19.300	22.571	48.250	56.429	

Ghi chú: Sau khi kế hoạch được phê duyệt, các đơn vị được giao chủ trì xây dựng hồ sơ dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

II. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Giai đoạn 2023 - 2025

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Trong đó		Cơ quan chủ trì thực hiện
			Ngân sách Nhà nước	Vốn của các tổ chức, các nhân	
1	Điều tra, bảo tồn một số loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai ¹	10.000	10.000		Chi cục Kiểm lâm
2	Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen ²	20.000	20.000		Sở Khoa học và Công nghệ
3	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quy mô chuồng trại chăn nuôi công nghệ cao ³	5.000		5.000	Trung tâm Giống Vật nuôi

¹ Quyết định số 221/QĐ-SKHĐT ngày 29/12/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Điều tra, bảo tồn một số loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

² Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án Hoàn thiện, tăng cường tiềm lực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại Khu thực nghiệm khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất bảo tồn quỹ gen;

³ Quyết định số 79/QĐ-TTGVN ngày 28/9/2021 của Trung tâm Giống vật nuôi về phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quy mô chuồng trại chăn nuôi công nghệ cao.

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030

TT	Danh mục dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện
1	Đầu tư mở rộng, hoàn thiện trại lợn giống cấp I tại trại Giống vật nuôi Ia Khrol	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Đầu tư xây dựng trại chăn nuôi lợn giống cấp I tại trại Giống vật nuôi Đak Pơ	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị công nghệ cao trại bò giống hạt nhân tại trại Giống vật nuôi Đak Pơ	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Xây dựng cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp và sản xuất giống chất lượng cao tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT



III. DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ

TT	Nội dung	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì thực hiện
1	Dự án Trung tâm giống heo chất lượng cao xã Sơ Pai, huyện Kbang	120.000	Các doanh nghiệp nông nghiệp thu hút đầu tư
2	Dự án Trung tâm giống gà công nghệ cao xã Lơ Ku, thị trấn Kbang; huyện Kbang	200.000	Các doanh nghiệp nông nghiệp thu hút đầu tư
3	Dự án Trung tâm giống cây trồng và trồng, chế biến, trưng bày sản phẩm cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	46.000	Các doanh nghiệp nông nghiệp thu hút đầu tư
4	Khu trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	210.000	Các doanh nghiệp nông nghiệp thu hút đầu tư
	Tổng cộng	576.000	





Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: 1949/KH-UBND ngày 26 / 07 /2023 của UBND tỉnh)

I. DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

STT	Tên dự án	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
Tổng cộng		21.700		
I	Huyện Krông Pa	2.000		
1	Xây dựng mô hình nhân giống sản kháng bệnh khảm lá trên địa bàn huyện	1.000	2024 - 2025	UBND huyện Krông Pa
2	Điều tra, khảo sát và thu thập nguồn gen động, thực vật quý hiếm, đặc trưng của huyện	1.000	2026 - 2030	UBND huyện Krông Pa
II	Huyện Phú Thiện	5.000		
1	Dự án sản xuất giống lúa năng suất chất lượng cao, giống nguyên chủng, siêu nguyên chủng trên địa bàn huyện	1.000	2024 - 2025	UBND huyện Phú Thiện
2	Dự án sản xuất giống sản sạch bệnh	1.000	2024 - 2025	UBND huyện Phú Thiện
3	Dự án sản xuất giống thủy sản công nghệ cao trên địa bàn huyện	3.000	2026 - 2030	UBND huyện Phú Thiện
III	Huyện Kbang	600		
1	Chăm sóc vườn cây đầu dòng, vườn giống mắc ca để cung cấp vật liệu nhân giống	600	2024 - 2025	UBND huyện Kbang

STT	Tên dự án	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
IV	Huyện Ia Pa	1.000		
1	Xây dựng mô hình nhân giống sắn kháng bệnh khảm lá trên địa bàn huyện	500	2024 - 2025	UBND huyện Ia Pa
2	Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống	500	2026 - 2030	UBND huyện Ia Pa
V	Huyện Đak Pơ	3.500		
1	Xây dựng mô hình lai cải tạo giống dê cỏ để nâng cao tầm vóc và sản lượng thịt dê vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.000	2023 - 2025	UBND huyện Đak Pơ
2	Nghiên cứu công nghệ cấy truyền phôi giống bò thịt cao sản	1.000	2023 - 2025	UBND huyện Đak Pơ
3	Bảo tồn và nuôi giữ giống gốc bò Brahman	1.500	2026 - 2030	UBND huyện Đak Pơ
VI	Huyện Đức Cơ	6.600		
1	Bảo tồn và phát triển giống lợn sóc phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp	1.200	2023 - 2024	UBND huyện Đức Cơ
2	Phục tráng và bảo tồn giống lúa GOL nhằm phát triển các sản phẩm đặc sản của huyện	900	2024 - 2025	UBND huyện Đức Cơ
3	Bảo tồn và phát triển giống gà xù (Blooh gronh - gà lông xoăn) nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số	1.100	2024 - 2025	UBND huyện Đức Cơ
4	Bảo tồn và nhân rộng giống lan phi điệp rừng Đức Cơ nhằm phát triển các sản phẩm đặc thù và phát triển du lịch sinh thái	1.100	2024 - 2025	UBND huyện Đức Cơ
5	Bảo tồn và phát triển giống bắp (ngô) Brông (nếp đỏ trắng) nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số	1.500	2026 - 2027	UBND huyện Đức Cơ
6	Bảo tồn và phát triển giống cỏ thơm (Groch) nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số	800	2027 - 2028	UBND huyện Đức Cơ

STT	Tên dự án	Dự kiến nguồn vốn (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
VII	Thị xã Ayun Pa	3.000		
1	Xây dựng mô hình nhân giống sắn kháng bệnh khảm lá trên địa bàn thị xã	500	2024 - 2025	UBND thị xã Ayun Pa
2	Mô hình sản xuất lúa giống chất lượng cao ST24, ST25	500	2024 - 2026	UBND thị xã Ayun Pa
3	Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển giống heo đen địa phương	500	2024 - 2027	UBND thị xã Ayun Pa
4	Dự án phục tráng, bảo tồn nguồn gen giống lúa rẫy người đồng bào Jrai	500	2026 - 2030	UBND thị xã Ayun Pa
5	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin nguồn gen các loại vị thuốc có nguồn gốc thực vật để chế biến sản phẩm men rượu cần truyền thống người đồng bào Jrai trên địa bàn thị xã Ayun Pa	500	2026 - 2030	UBND thị xã Ayun Pa
6	Nghiên cứu, khảo nghiệm, bảo tồn và phát triển nguồn gen các loại vị thuốc có nguồn gốc thực vật để chế biến sản phẩm men rượu cần đặc trưng, truyền thống người đồng bào Jrai trên địa bàn thị xã Ayun Pa	500	2026 - 2030	UBND thị xã Ayun Pa

Ghi chú: UBND các huyện, thị xã, thành phố giao cơ quan chuyên môn của huyện xây dựng hồ sơ dự án và phê duyệt để triển khai thực hiện.

II. DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện
I	Huyện Krông Pa	
1	Xây dựng cơ sở nuôi, trồng, lưu giữ và bảo quản các loài động, thực vật quý hiếm, đặc trưng của huyện	UBND huyện Krông Pa
2	Xây dựng Nhà màng nhân giống sản kháng bệnh khảm lá	UBND huyện Krông Pa
3	Xây dựng nhà nhân giống sản	UBND huyện Krông Pa
II	Huyện Phú Thiện	
1	Dự án đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị công nghệ cao phát triển vùng sản xuất giống thủy sản đặc trưng trên địa bàn huyện	UBND huyện Phú Thiện
III	Huyện Ia Pa	
1	Xây dựng cơ sở sản xuất giống cây trồng (ưu tiên cây ăn quả)	UBND huyện Ia Pa
IV	Thị xã Ayun Pa	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng (nhà xưởng, trang thiết bị máy móc,...) sản xuất, chế biến men và rượu cần truyền thống người Jrai	UBND thị xã Ayun Pa